UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
Số: 465/QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 3 năm 2013*

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 1962
Ngày: 29/3/13
Chuyển:

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt danh mục đề tài, dự án khoa học và công nghệ triển khai thực hiện năm 2013

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quy chế Quản lý các chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi ban hành tại Quyết định số 24/2009/QĐ-UBND ngày 18/5/2009 của UBND tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Chỉ thị số 17/2007/CT-UBND ngày 19/6/2007 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong quản lý, sản xuất, kinh doanh;

Căn cứ Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 09/11/2012 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt kế hoạch nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 303/QĐ-UBND ngày 14/12/2012 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2013;

Trên cơ sở kết quả các cuộc họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ năm 2013 được tổ chức vào các ngày: 09/01/2013, 15/01/2013, 27/02/2013 và ngày 28/02/2013;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 110/TTr-SKHCN ngày 12/3/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục đề tài, dự án khoa học và công nghệ triển khai thực hiện mới năm 2013; gồm 14 đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh *(chi tiết có danh mục kèm theo).*

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ:

- Tổ chức các Hội đồng Khoa học - Công nghệ đánh giá các đề tài, dự án khoa học và công nghệ về nội dung, tính chất nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ một cách thiết thực, hữu ích để tuyển chọn, xét chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ

và trình phê duyệt kết quả tuyển chọn, xét duyệt theo đúng qui định hiện hành. Trường hợp trong quá trình tuyển chọn, xét chọn có đề tài, dự án không đủ điều kiện triển khai thực hiện, giao Sở Khoa học và Công nghệ quyết định và báo cáo UBND tỉnh.

- Phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn các cơ quan chủ trì đề tài, dự án khoa học và công nghệ lập dự toán chi tiết theo từng mục tiêu cụ thể để làm cơ sở phê duyệt, bố trí kinh phí thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Khoa học và Công nghệ; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các sở, ban ngành liên quan, các tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài chịu trách nhiệm thi hành ./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PVP(CN), KTTH, CBTH;
- Lưu: VT, CNXD.huy79.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Quang Thích

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC ĐỀ TÀI, DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NĂM 2013

(Kèm theo Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 28/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên đề tài, dự án	Phương thức thực hiện	Tính cấp thiết	Định hướng mục tiêu và yêu cầu đối với sản phẩm	Ghi chú
I	**Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn**				
1	Điều tra, đánh giá chất lượng khám chữa bệnh và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ của ngành y tế tỉnh Quảng Ngãi.	Tuyển chọn cơ quan chủ trì và Chủ nhiệm đề tài.	-Công tác khám chữa bệnh và dịch vụ y tế là một loại hình khá đặc biệt, người bệnh ít khi đánh giá được chính xác chất lượng khám chữa bệnh và dịch vụ y tế mặc dù họ có thể cảm nhận qua tiếp xúc với nhân viên y tế, trang thiết bị, cơ sở vật chất,... -Ngày nay, nhu cầu của người bệnh và xã hội ngày càng phát triển, ngành y tế vẫn chưa theo kịp đà phát triển này của xã hội, đặc biệt là việc nâng cao chất lượng chức năng của dịch vụ y tế, dịch vụ khám chữa bệnh. Một phần lớn người bệnh có nhu cầu cao về dịch vụ y tế bắt đầu chuyển sang chọn lựa các cơ sở y tế tư nhân, nơi cung cấp dịch vụ y tế có chất lượng chức năng tốt hơn. Do vậy, cần khai thác các thế mạnh hiện có tại các bệnh viện trong tỉnh và khắc phục những điểm còn khó khăn, hạn chế nhằm thực hiện tốt chính sách chăm sóc sức khỏe cho mọi người, mọi nhà. -Đánh giá chất lượng khám chữa bệnh và dịch vụ y tế nhằm cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn giúp ngành y tế tỉnh chỉ đạo thực hiện nâng cao tinh thần, trách nhiệm đối với công tác khám chữa bệnh của đội ngũ cán bộ, y, bác sỹ và cung cấp dịch vụ phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu của bệnh nhân và nhân dân trong tỉnh.	**** Định hướng mục tiêu:*** -Điều tra, đánh giá chất lượng khám chữa bệnh và các dịch vụ y tế tại các bệnh viện của tỉnh Quảng Ngãi. -Nhận diện được các yếu tố chính tác động đến chất lượng dịch vụ và độ thỏa mãn của bệnh nhân và người dân trong việc khám và điều trị bệnh tại các bệnh viện trên địa bàn tỉnh. -Hình thành mô hình đo lường chất lượng dịch vụ của các bệnh viện tỉnh Quảng Ngãi. -Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh tại các bệnh viện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và giải pháp phát triển các bệnh viện trong giai đoạn 2013-2020. ****Yêu cầu đối với sản phẩm:*** -Báo cáo xử lý phân tích số liệu điều tra. -Báo cáo đánh giá chất lượng khám chữa bệnh và các dịch vụ y tế tại các bệnh viện của tỉnh Quảng Ngãi. -Bộ thang đo chất lượng dịch vụ các bệnh viện tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013-2014. -Mô hình đo lường chất lượng dịch vụ của các bệnh viện tỉnh Quảng Ngãi. -Giải pháp nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và dịch vụ y tế tại các bệnh viện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. -Kế hoạch phát triển các bệnh viện trong giai đoạn 2013-2020.	Thời gian thực hiện 12 tháng.

TT	Tên đề tài, dự án	Phương thức thực hiện	Tính cấp thiết	Định hướng mục tiêu và yêu cầu đối với sản phẩm	Ghi chú
2	Nghiên cứu thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường bộ và đường sắt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	Xét chọn Cơ quan chủ trì đề tài: Giao Công an tỉnh Quảng Ngãi thực hiện; Chủ nhiệm đề tài: Đại tá Nguyễn Thanh Trang.	Quảng Ngãi có 2 tuyến đường huyết mạch chạy qua là Quốc lộ 1A và tuyến đường sắt Bắc-Nam, trên Quốc lộ 1A thường xuyên có nhiều loại phương tiện giao thông lưu thông liên tục. Trong những năm gần đây tình hình trật tự an toàn giao thông đường bộ và đường sắt trên địa bàn tỉnh diễn biến hết sức phức tạp, xảy ra nhiều vụ tai nạn nghiêm trọng cả về số vụ, số người chết và số người bị thương. -Năm 2011 toàn tỉnh đã xảy ra 156 vụ tai nạn giao thông, làm chết 153 người, bị thương 112 người. -Theo báo cáo của Ủy ban ATGT Quốc gia, 6 tháng đầu năm 2012, Quảng Ngãi vẫn còn xảy ra nhiều vụ tai nạn nghiêm trọng có số người chết vì tai nạn giao thông tăng cao (tăng 6,9%). Đến 31/10/2012, đã xảy ra 131 vụ tai nạn giao thông (giảm 17 vụ so với cùng kỳ năm 2011); chết 115 người (giảm 31 người); bị thương 91 người (giảm 15 người) (theo Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội năm 2012 của tỉnh). Tuy có giảm so với cùng kỳ năm 2011 nhưng số người bị chết, bị thương do tai nạn giao thông vẫn ở mức cao và còn tiềm ẩn nguy cơ gia tăng, tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng trên đường bộ, đường sắt. -Trước tình hình trên, cần thiết phải đề xuất một số giải pháp nhằm kiềm chế để giảm cả 03 tiêu chí về số vụ, số người chết và số người bị thương trong các vụ tai nạn giao thông đường bộ và đường sắt nhằm ổn định trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi góp phần thực hiện Nghị quyết số 88/NQ-CP ngày 24/8/2011 của Chính phủ về tăng cường thực hiện các giải pháp trọng tâm bảo đảm trật tự an toàn giao thông.	*** Định hướng mục tiêu:** -Đánh giá thực trạng tình hình vi phạm trật tự an toàn giao thông và tai nạn giao thông đường bộ, đường sắt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006-2012. -Tìm hiểu yếu tố ảnh hưởng và nguyên nhân gây mất an toàn giao thông đường bộ, đường sắt trên địa bàn tỉnh. -Tổng kết, đánh giá và bài học kinh nghiệm trong công tác tổ chức, quản lý bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006-2012. -Đề xuất giải pháp kiềm chế và giảm thiểu tai nạn giao thông đường bộ, đường sắt bền vững góp phần bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. ***Yêu cầu đối với sản phẩm:** -Báo cáo đánh giá thực trạng tình hình vi phạm trật tự an toàn giao thông và tai nạn giao thông đường bộ, đường sắt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006-2012. -Chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng và nguyên nhân gây mất an toàn giao thông đường bộ, đường sắt trên địa bàn tỉnh. -Đưa ra cảnh báo và biện pháp phòng ngừa đối với người và các phương tiện tham gia giao thông về một số điểm nóng thường xảy ra tại nạn giao thông đường bộ và đường sắt trên địa bàn tỉnh. -Hoàn thiện quy trình điều tra hiện trường để xử lý các vụ tai nạn giao thông đường bộ, đường sắt. -Báo cáo tổng kết, đánh giá và bài học kinh nghiệm trong công tác tổ chức, quản lý bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006-2012.	Thời gian thực hiện 18 tháng.

TT	Tên đề tài, dự án	Phương thức thực hiện	Tính cấp thiết	Định hướng mục tiêu và yêu cầu đối với sản phẩm	Ghi chú
3	Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác dân vận của thôn, tổ, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	Xét chọn Cơ quan chủ trì đề tài: Giao Ban dân vận Tỉnh ủy thực hiện.	Công tác dân vận ở cơ sở, nhất là ở thôn, tổ, khu dân cư có vị trí quan trọng trong đời sống và hoạt động của cộng đồng dân cư, là nơi trực tiếp tập hợp, vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước; là cầu nối giữa nhân dân với các tổ chức trong hệ thống chính trị; đồng thời là nơi phát huy nội lực và quyền làm chủ trực tiếp của nhân dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Nghiên cứu thực trạng và đề ra giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác dân vận ở thôn, tổ, khu dân cư nhằm tăng cường vai trò, trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị và sự lãnh đạo của cấp ủy đảng ở cơ sở đối với công tác vận động quần chúng, góp phần thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội tại các địa phương trên địa bàn tỉnh.	*** Định hướng mục tiêu:** Nghiên cứu đánh giá thực trạng công tác dân vận trong thời gian qua ở cơ sở, trên cơ sở đó đề ra một số giải pháp cơ bản, nhằm nâng cao hiệu quả công tác dân vận ở thôn, tổ, khu dân cư; góp phần phát triển kinh tế-xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh. ***Yêu cầu đối với sản phẩm:** -Báo cáo phân tích, xử lý số liệu điều tra, khảo sát. -Các bản thống kê số liệu và các chỉ tiêu khác; -Các báo cáo chuyên đề khoa học đề tài thực hiện; -Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài -Báo cáo kết quả tổng kết các mô hình đã áp dụng những giải pháp nâng cao hiệu quả công tác dân vận ở thôn, tổ, khu dân cư trên địa bàn tỉnh.	Thời gian thực hiện 24 tháng.

TT	Tên đề tài, dự án	Phương thức thực hiện	Tính cấp thiết	Định hướng mục tiêu và yêu cầu đối với sản phẩm	Ghi chú
4	Thực trạng và giải pháp nâng cao năng lực quyết định và giám sát thu – chi ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.	Xét chọn Cơ quan chủ trì đề tài: Giao Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện.	-Tình hình kinh tế thế giới hiện đang diễn biến phức tạp, lạm phát gia tăng, giá dầu thô, giá nguyên vật liệu cơ bản đầu vào của sản xuất, giá lương thực, thực phẩm trên thị trường thế giới tiếp tục xu hướng tăng cao. Trong nước, thiên tai, thời tiết tác động bất lợi đến sản xuất và đời sống, một số mặt hàng là đầu vào quan trọng của sản xuất như điện, xăng dầu vẫn chưa được thực hiện đầy đủ theo cơ chế giá thị trường buộc phải điều chỉnh tăng. Mặt khác, đất nước đang thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế, nới lỏng chính sách tiền tệ, tài khóa để ngăn chặn suy giảm, duy trì tăng trưởng kinh tế trong thời gian qua. Tình hình trên đây đã làm giá cả tăng cao, tăng nguy cơ mất ổn định kinh tế vĩ mô của đất nước ta. Vì vậy, tập trung giám sát thu - chi ngân sách nhà nước là mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm cấp bách hiện nay. -Xuất phát từ tình hình thực tế nêu trên, vấn đề đặt ra hiện nay là làm thế nào để tìm ra các giải pháp cũng như các kiến nghị, đề xuất nhằm nâng cao năng lực quyết định và hiệu quả hoạt động giám sát thu - chi ngân sách của HĐND tỉnh Quảng Ngãi, thể hiện được ý chí của đông đảo nhân dân, đảm bảo chất lượng, có tính khả thi cao và thực sự đi vào cuộc sống. Vì vậy, nghiên cứu về các giải pháp và kiến nghị, đề xuất nâng cao năng lực quyết định và giám sát thu - chi ngân sách của HĐND tỉnh Quảng Ngãi vừa có ý nghĩa khoa học, vừa đáp ứng được những đòi hỏi cấp bách của thực tiễn cuộc sống.	*** Định hướng mục tiêu:** -Xác lập khung lý luận làm cơ sở cho việc khảo sát, đánh giá thực trạng quyết định và giám sát thu - chi ngân sách của HĐND tỉnh; phân tích, đánh giá những kết quả đạt được và chỉ ra những vướng mắc cần giải quyết từ góc độ thể chế, cũng như góc độ thực tiễn chính trị. -Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao năng lực quyết định và hiệu quả hoạt động giám sát thu - chi ngân sách của HĐND tỉnh trong thời gian đến. -Đối với Quảng Ngãi, đề tài nghiên cứu này sẽ đi sâu phân tích, đánh giá về những nét đặc thù trên địa bàn tỉnh, không chỉ có giá trị về mặt khoa học mà còn có ý nghĩa thực tiễn rất lớn, là một trong những cơ sở quan trọng nhất để HĐND tỉnh xem xét, quyết định thu - chi ngân sách trên địa bàn. ***Yêu cầu đối với sản phẩm:** -Báo cáo phân tích số liệu thực trạng thu chi ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện giai đoạn 2006-2012. -Phân tích quy trình ra quyết định và giám sát chu chi ngân sách của HĐNN tỉnh thời gian qua. -Giải pháp nâng cao năng lực quyết định và giám sát thu chi ngân sách của HĐNN tỉnh.	Thời gian thực hiện 12 tháng.

TT	Tên đề tài, dự án	Phương thức thực hiện	Tính cấp thiết	Định hướng mục tiêu và yêu cầu đối với sản phẩm	Ghi chú
5	Thực trạng và giải pháp phát hiện, củng cố, xây dựng và nhân rộng các mô hình điển hình, tiên tiến, xuất sắc trong phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội trên địa bàn tỉnh.	Xét chọn Cơ quan chủ trì đề tài: Giao Công an tỉnh Quảng Ngãi thực hiện; Chủ nhiệm đề tài: Thiếu tướng Lê Xuân Hòa.	-Một số văn bản của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh giao trách nhiệm cho lực lượng Công an phối hợp với Uỷ ban MTTQ Việt Nam và các ngành chức năng phát hiện, xây dựng, nhân rộng các mô hình điển hình tiên tiến về phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội. Song, hiện nay vẫn chưa có văn bản pháp lý nào quy định như thế nào là mô hình, điển hình; chưa có tiêu chuẩn để phát hiện, biểu dương; chưa có một đề tài nào nghiên cứu tổng thể về kết quả việc xây dựng mô hình, điển hình để từ đó cơ quan thường trực Ban chỉ đạo phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội tỉnh (Công an tỉnh) phân tích tìm ra nguyên nhân xuất hiện các mô hình, điển hình, các cơ sở pháp lý và thực tiễn trong việc xây dựng các mô hình, điển hình; đề xuất giải pháp phát hiện và nhân rộng trong toàn xã hội. Do đó, việc phát hiện, củng cố các mô hình, điển hình gặp rất nhiều khó khăn, lúng túng; nhiều mô hình đã được phát hiện tuyên dương nhưng không có phương pháp để nhân rộng; việc biểu dương cũng chưa được thực hiện thường xuyên; chưa có mô hình trở thành "điểm sáng" thực sự trong công tác phòng, chống tội phạm; nhiều đối tượng phạm tội không có chính sách hỗ trợ để tái hoà nhập cộng đồng nên tiếp tục phạm tội với tính chất, mức độ ngày càng tinh vi và gây hậu quả ngày càng nghiêm trọng hơn. -Việc lựa chọn nghiên cứu đề tài này là vô cùng cấp bách để từng bước tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc nêu trên và nghiên cứu những vấn đề về phương pháp luận để phục vụ việc nhân rộng mô hình điển hình tiên tiến, xuất sắc trong phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội.	*** Định hướng mục tiêu:** Tổng kết, đánh giá một cách đầy đủ khách quan, khoa học về thực trạng các mô hình, điển hình, tiên tiến xuất sắc trong phòng, chống tội phạm trong 14 năm qua (1998 - 2012). Đề ra những căn cứ khoa học, căn cứ thực tiễn và những tiêu chuẩn về các mô hình điển hình, tiên tiến, xuất sắc trong phòng, chống tội phạm; định kỳ hàng năm bình chọn để tuyên dương, khen thưởng; đồng thời, đề ra giải pháp mang tính chiến lược và sách lược để tiếp tục xây dựng, củng cố, phát triển các mô hình, điển hình. ***Yêu cầu đối với sản phẩm:** -Luận điểm khoa học và thực tiễn chứng minh về các mô hình điển hình tiên tiến, xuất sắc trong phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội trong những năm qua đã góp phần đảm bảo an sinh xã hội. -Báo cáo tổng quan về công tác xây dựng, củng cố, nhân rộng các mô hình điển hình tiên tiến, xuất sắc trong phòng, chống tội phạm từ năm 1998 - 2012. -Danh mục các mô hình, điển hình tiên tiến, xuất sắc trong phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội hiện nay trên địa bàn tỉnh. -Dự thảo đề án xây dựng, phát hiện, củng cố và nhân rộng mô hình, điển hình tiên tiến, xuất sắc trong phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội. -Dự thảo Đề án thành lập Quỹ về nhân điển hình tiên tiến trong phòng, chống tội phạm; Quỹ hoàn lương cho những người phạm tội tái hoà nhập cộng đồng.	Thời gian thực hiện 24 tháng.

TT	Tên đề tài, dự án	Phương thức thực hiện	Tính cấp thiết	Định hướng mục tiêu và yêu cầu đối với sản phẩm	Ghi chú
6	Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về con đường công nghiệp hóa của tỉnh Quảng Ngãi nhằm thực hiện mục tiêu "đến năm 2020 cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại".	Tuyển chọn cơ quan chủ trì và Chủ nhiệm đề tài.	Những năm gần đây, nhất là giai đoạn 2006-2011, kinh tế-xã hội của tỉnh Quảng Ngãi đã có nhiều khởi sắc với những bước tiến nhảy vọt trong công nghiệp, đặc biệt là nhà máy lọc dầu số 1 và Khu Kinh tế Dung Quất đã đi vào hoạt động đem lại hiệu quả to lớn; tạo nên một diện mạo mới hết sức ấn tượng; cơ cấu kinh tế đã chuyển mạnh theo hướng công nghiệp-dịch vụ. Kể từ năm 2007 đến nay, giá trị sản xuất công nghiệp luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tổng sản phẩm GDP toàn tỉnh và luôn tăng đều, tăng mạnh qua các năm, năm 2007 tỷ trọng công nghiệp trong GDP mới là 34,61% nhưng đến năm 2011 là 59,05%, tăng 24,44% so với năm 2007. -Nghị Quyết Đại hội Đại biểu đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XVIII nhiệm kỳ 2010-2015 đã đề ra mục tiêu tổng quát là "Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo nền tảng để đến năm 2020 Quảng Ngãi cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại". -Vấn đề "thế nào là một tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại" và "lượng hóa tiêu chí và lộ trình công nghiệp hóa cho tỉnh Quảng Ngãi" không chỉ là vấn đề thời sự, cấp bách mà còn mang tính lâu dài cần phải được quan tâm nghiên cứu làm rõ, nhằm cung cấp các luận cứ khoa học và thực tiễn cho Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh hoạch định các chủ trương, chính sách, xây dựng quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và các giải pháp chỉ đạo nhằm tổ chức thực hiện thắng lợi Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của cả nước giai đoạn 2011-2020 và Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII nhiệm kỳ 2010-2015.	*** Định hướng mục tiêu:** Nghiên cứu làm sáng tỏ cơ sở lý luận và thực tiễn về con đường công nghiệp hóa của tỉnh Quảng Ngãi, nhằm cung cấp luận cứ khoa học phục vụ mục tiêu xây dựng Quảng Ngãi đến năm 2020 cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại với các tiêu chí và bước đi thích hợp, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ Quảng Ngãi lần thứ XVIII (nhiệm kỳ 2010-2015) đã đề ra. ***Yêu cầu đối với sản phẩm:** -Báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng hợp kết quả đề tài; -Các báo cáo chuyên đề khoa học đề tài thực hiện; tổng quan kinh nghiệm quốc tế về công nghiệp hóa; bộ tiêu chí công nghiệp hóa của tỉnh Quảng Ngãi; các giải pháp, cơ chế chính sách và lộ trình tiến hành công nghiệp hóa cho tỉnh Quảng Ngãi. -Các tham luận, báo cáo hội thảo chuyên đề; -Bộ cơ sở dữ liệu về các thông tin cơ bản và các mục tiêu, chỉ tiêu định hướng chiến lược tiến hành công nghiệp hóa của Việt Nam và tỉnh Quảng Ngãi theo từng giai đoạn và các số liệu thu thập được trong quá trình thực hiện nghiên cứu.	Thời gian thực hiện 24 tháng.

TT	Tên đề tài, dự án	Phương thức thực hiện	Tính cấp thiết	Định hướng mục tiêu và yêu cầu đối với sản phẩm	Ghi chú
7	Thực trạng và giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng trong Khối các cơ quan tỉnh Quảng Ngãi.	-Xét chọn Cơ quan chủ trì đề tài: Giao Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh Quảng Ngãi thực hiện; Chủ nhiệm đề tài: CN. Võ Thái Nguyên.	Trung ương Đảng đã ban hành nhiều chủ trương, Nghị quyết về xây dựng, chỉnh đốn đảng. Trên cơ sở đó, công tác xây dựng chỉnh đốn đảng đã đạt nhiều kết quả tích cực. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của đảng không ngừng được nâng cao; phương thức lãnh đạo của đảng từng bước được đổi mới. Tuy nhiên, trong Đảng còn nhiều hạn chế, yếu kém; có những yếu kém khuyết điểm kéo dài qua nhiều nhiệm kỳ chậm được khắc phục, đã làm giảm sút lòng tin của nhân dân với Đảng; nếu không được sửa chữa sẽ là thách thức đối với vai trò lãnh đạo của Đảng và sự tồn vong của chế độ. Những năm qua, hoạt động của Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh đã đạt được những kết quả quan trọng, nhất là sau khi có Quy định 293-QĐ/TW ngày 23/3/2010 của Ban bí thư Trung ương Đảng về chức năng, nhiệm vụ của Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh, thành phố. Tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém cần được khắc phục, như: +Nhận thức về vai trò, vị trí của các tổ chức đảng trong khối các cơ quan tỉnh chưa đầy đủ. +Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của nhiều cơ sở đảng còn những mặt hạn chế; biểu hiện rõ nét nhất là trong các việc: Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị; công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; công tác tổ chức cán bộ, chất lượng sinh hoạt đảng, thực hiện các nguyên tắc của đảng; công tác kiểm tra, giám sát. Vì vậy, việc đánh giá đúng thực trạng và nghiên cứu các giải pháp có đủ cơ sở khoa học về xây dựng Đảng trong đặc thù Khối các cơ quan tỉnh nhằm "Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng trong Khối các cơ quan tỉnh Quảng Ngãi" trở thành một vấn đề có ý nghĩa cấp thiết cả về mặt lý luận và thực tiễn, nhất là trong giai đoạn thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI).	***Định hướng mục tiêu:** -Trên cơ sở khảo sát thực tế đề tài đưa ra những đánh giá có cơ sở khoa học về thực trạng tổ chức cơ sở Đảng bộ Khối hiện nay, chỉ ra điểm mạnh, điểm yếu, nguyên nhân của thực trạng. -Xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ mới công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế và thực trạng trên; đề tài đưa ra những căn cứ, quan điểm làm cơ sở cho những giải pháp nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng trong Đảng bộ Khối đủ sức hoàn thành nhiệm vụ, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XVIII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Khối lần thứ V đã đề ra. ***Yêu cầu đối với sản phẩm:** -Báo cáo xử lý phân tích số liệu điều tra. -Báo cáo đánh giá thực trạng tổ chức cơ sở Đảng bộ Khối hiện nay, chỉ ra điểm mạnh, điểm yếu, nguyên nhân của thực trạng. -Hệ thống giải pháp nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng trong Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ mới công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế.	Thời gian thực hiện 12 tháng.

TT	Tên đề tài, dự án	Phương thức thực hiện	Tính cấp thiết	Định hướng mục tiêu và yêu cầu đối với sản phẩm	Ghi chú
II	**Lĩnh vực Nông, lâm, ngư nghiệp**				
Các dự án KH&CN thuộc "Chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế-xã hội khu vực nông thôn và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015"					
8	Dự án Hỗ trợ xây dựng vùng chuyên canh cây thanh long ruột đỏ LĐ1 tại 02 xã Trà Phú và Trà Bình huyện Trà Bồng tỉnh Quảng Ngãi.	Xét chọn Cơ quan chủ trì dự án: Giao Trung tâm Khuyến nông – Khuyến ngư tỉnh thực hiện.	Năm 2009 – 2011 Trung tâm Khuyến nông – Khuyến ngư tỉnh đã trồng thử nghiệm cây thanh long ruột đỏ ở huyện Trà Bồng, kết quả sau 30 tháng trồng thử nghiệm năng suất đạt 10 tấn/ha, chất lượng tốt. Tuy nhiên năng suất còn thấp so với các địa phương khác: tại Tiền Giang năng suất cây 3 năm tuổi đạt: 40-45 tấn/ha; Long An và Bình Thuận năng suất đạt: 32-37 tấn/ha nhưng so sánh về lợi thế cạnh tranh thì hiệu quả kinh tế từ mô hình trồng cây thanh long ruột đỏ cao hơn với các loại cây trồng khác tại địa phương. Để sản phẩm sản xuất mang tính hàng hóa cần phải xây dựng vùng chuyên canh cây thanh long ruột đỏ áp dụng tiến bộ kỹ thuật để nâng cao năng suất và chất lượng. Huyện Trà Bồng có vị trí địa lý tương đối thuận lợi, nguồn tài nguyên đất đai dồi dào phù hợp để phát triển sản xuất thanh long theo hướng hàng hóa. Để phát triển nhân rộng mô hình sản xuất đại trà và hình thành được vùng chuyên canh thanh long tại Quảng Ngãi thì việc triển khai dự án "Xây dựng vùng chuyên canh cây thanh long ruột đỏ LĐ1 tại 02 xã Trà Phú và Trà Bình huyện Trà Bồng tỉnh Quảng Ngãi" là cần thiết.	***Định hướng mục tiêu:** -Đa dạng hóa cây trồng, phát triển sản xuất cây ăn quả qui mô lớn, tập trung mang tính hàng hóa, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp tại địa phương. -Xây dựng mô hình thâm canh cây thanh long ruột đỏ trên đất gò đồi, qui mô 04 ha, năng suất cây 3 năm tuổi đạt 20-25 tấn/ha. ***Yêu cầu đối với sản phẩm:** -Xây dựng và ban hành được Hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc cây thanh long ruột đỏ tại miền núi tỉnh Quảng Ngãi -05 cán bộ kỹ thuật am hiểu về kỹ thuật trồng, chăm sóc thanh long ruột đỏ; 50 hộ dân nắm được kỹ thuật trồng, chăm sóc thanh long ruột đỏ. -Mô hình chuyên canh cây thanh long ruột đỏ theo hướng hàng hóa tập trung chuyên canh, quy mô diện tích 20ha, năng suất cây 3 năm tuổi đạt 20-25 tấn/ha. -Chất lượng trái thanh long phải có hình dạng đặc trưng, vỏ màu đỏ và láng, tai màu xanh và cứng, trọng lượng trên 300gam/trái. -Bài báo khoa học về kết quả thực hiện dự án.	Thời gian thực hiện 36 tháng.

TT	Tên đề tài, dự án	Phương thức thực hiện	Tính cấp thiết	Định hướng mục tiêu và yêu cầu đối với sản phẩm	Ghi chú
9	Dự án Hỗ trợ xây dựng làng nghề trồng nấm phục vụ chuyển đổi nghề nghiệp cho lao động từ các lò gạch thủ công xã Đức Nhuận và xã Đức Chánh huyện Mộ Đức.	Xét chọn Cơ quan chủ trì dự án: Giao UBND huyện Mộ Đức thực hiện.	Từ kết quả bước đầu của dự án "Hỗ trợ sản xuất nấm ăn và nấm dược liệu" với diện tích 125m^2 trại nuôi trồng cho lợi nhuận bình quân 20 triệu đồng/05 tháng đối với mô hình sản xuất nấm sò và 38,5 triệu đồng/05 tháng đối với mô hình sản xuất nấm linh chi đã cho thấy mô hình sản xuất có hiệu quả kinh tế cao. Hiện nay, HTX sản xuất và kinh doanh nấm Đức Nhuận đã nắm được kỹ thuật nuôi trồng và là trung tâm cung ứng nguồn phôi giống, thu mua sản phẩm đầu ra. Với kết quả khả quan của mô hình và việc đảm bảo thu mua nguyên liệu đầu ra của HTX sản xuất và kinh doanh nấm Đức Nhuận đủ cơ sở để phát triển sản xuất bền vững. Hiện nay, trên địa bàn 02 xã Đức Chánh và Mộ Đức có 80 lò gạch thủ công với 400 lao động. Để chuyển đổi nghề cho lực lượng lao động là vấn đề quan tâm cần đặt ra của huyện khi thực hiện chủ trương xóa các lò gạch thủ công của tỉnh. Việc hình thành làng nghề sản xuất trồng nấm sẽ góp phần giải quyết lao động nông nhàn và chuyển đổi nghề nghiệp lao động làm gạch thủ công tại 02 xã Đức Nhuận và Đức Chánh.	***Định hướng mục tiêu:** -Chuyển đổi nghề nghiệp cho lao động từ các lò gạch thủ công của xã Đức Nhuận và Đức Chánh huyện Mộ Đức. -Hình thành làng nghề sản xuất nấm tại xã Đức Nhuận và Đức Chánh huyện Mộ Đức. ***Yêu cầu đối với sản phẩm:** -Làng nghề sản xuất nấm ăn và nấm dược liệu tại xã Đức Nhuận và Đức Chánh huyện Mộ Đức: 100 hộ dân tham gia; với quy mô diện tích 135m^2/hộ. -Năng suất nấm của mô hình đạt: +Năng suất nấm sò: 0,4kg tươi/bịch phôi; +Năng suất nấm linh chi: 0,007kg tươi/bịch phôi (tương đương 0,025 kg khô/bịch phôi). -Bài báo khoa học về kết quả thực hiện dự án.	Thời gian thực hiện 24 tháng.

TT	Tên đề tài, dự án	Phương thức thực hiện	Tính cấp thiết	Định hướng mục tiêu và yêu cầu đối với sản phẩm	Ghi chú
10	Dự án Hỗ trợ áp dụng tiến bộ KH&CN phát triển sản xuất nông nghiệp phục vụ xây dựng nông thôn mới tại xã Hành Dũng huyện Nghĩa Hành.	-Xét chọn Cơ quan chủ trì dự án: Giao Hợp tác xã Nông nghiệp Hành Dũng thực hiện. -Cơ quan phối hợp chuyển giao công nghệ: Trung tâm Nghiên cứu Biến đổi khí hậu miền Trung, Trường đại học Nông lâm Huế.	Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, huyện Nghĩa Hành đặt ra mục tiêu đến năm 2015 hoàn thành 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới như tỉnh giao. Huyện xác định một số lĩnh vực kinh tế trọng điểm, trong đó phát triển chăn nuôi chiếm tỉ trọng cao trong sản xuất của ngành nông nghiệp, nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả kinh tế; phát triển mạnh tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, kinh tế trang trại. Theo kế hoạch xã Hành Dũng là một trong những xã của huyện Nghĩa Hành phấn đấu đạt tiêu chuẩn nông thôn mới vào năm 2015. Để thực hiện tiêu chí phát triển sản xuất, HTX nông nghiệp Hành Dũng đã khảo sát và làm việc với Trường đại học Nông lâm Huế ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng đồng bộ mô hình chăn nuôi heo cải tiến, sử dụng khí sinh học, xây dựng hệ thống lọc và xử lý nước sinh hoạt cùng với xây dựng lò giết mổ gia súc tập trung. Việc hỗ trợ xây dựng mô hình sẽ hình thành được vùng sản xuất tập trung, tạo tiền đề để phát triển nhân rộng mô hình trên toàn huyện góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng nông thôn mới.	***Định hướng mục tiêu:** Hình thành các mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả, cải thiện điều kiện sinh hoạt và vệ sinh môi trường góp phần xây dựng xã đạt tiêu chí nông thôn mới. ***Yêu cầu đối với sản phẩm:** -Mô hình chăn nuôi lợn: +05 mô hình sản xuất lợn giống lai chất lượng cao gồm 02 đực giống, 50-60 nái sinh sản; sản lượng đạt 1.200 – 1.400 con giống/năm. +01 mô hình nuôi đực giống và trạm phân phối tinh. +30 mô hình chăn nuôi lợn thịt cải tiến chuồng trại, máng ăn, máng uống hợp vệ sinh với quy mô 10-20 con/hộ sản xuất được 80-100 tấn heo thịt/năm -Hệ thống Biogas: 36 hệ thống biogas cải tiến kiểu composit kèm bếp đun sử dụng khí sinh học. -Hệ thống lọc và xử lý nước sinh hoạt: 37 hệ thống đảm bảo tiêu chuẩn nước sạch. -Xây dựng 01 lò giết mổ gia súc tập trung. -Mô hình trồng rau thâm canh với diện tích 1500m^2/20 hộ, sản xuất khoảng 30 tấn rau xanh cho chăn nuôi. -Bài báo khoa học về kết quả thực hiện dự án.	Thời gian thực hiện 24 tháng.
11	Dự án Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ	-Xét chọn Cơ quan chủ trì dự án: Giao Hợp tác xã Nông nghiệp	Xã Bình Dương có diện tích tự nhiên hơn 884,4 ha, có 2.189 hộ, hơn 8.550 nhân khẩu, hơn 60% hộ sinh sống bằng nông nghiệp. Xã đã thực hiện tốt việc dồn điền đổi thửa trên đất lúa. Đến nay, đã dồn điền đổi thửa được trên 138 ha đất sản xuất lúa và rau màu.	***Định hướng mục tiêu:** -Nâng cao năng suất cây lúa trên đất dồn điền đổi thửa, năng suất bình quân 65-70 tạ/ha/vụ. -Áp dụng cơ giới hóa, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật	Thời gian thực hiện 24 tháng.

TT	Tên đề tài, dự án	Phương thức thực hiện	Tính cấp thiết	Định hướng mục tiêu và yêu cầu đối với sản phẩm	Ghi chú
	nâng cao hiệu quả sản xuất lúa trên đất dồn điền - đổi thửa tại HTX nông nghiệp Bình Dương, huyện Bình Sơn.	Bình Dương huyện Bình Sơn thực hiện.	Trong những năm đến, xã tiếp tục đẩy mạnh công tác cải tạo đồng ruộng, dồn điền đổi thửa; quy hoạch các vùng sản xuất lúa giống hàng hóa, lúa chất lượng cao. Định hướng của xã đến năm 2015 vùng sản xuất lúa chiếm khoảng 271 ha. Tuy nhiên, hiện nay công tác làm đất, thu hoạch lúa còn mang nặng tính thủ công; người dân chưa có khả năng đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, giá giống lúa lai còn cao so với sức đầu tư của người dân địa phương nên việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế. Với cánh đồng diện tích lớn quy mô hàng chục, hàng trăm hecta đã được thực hiện dồn điền đổi thửa, đây là điều kiện rất tốt cho việc đưa các tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất lúa để nâng cao hiệu quả trong sản xuất lúa.	canh tác lúa trên cánh đồng dồn điền - đổi thửa tại HTX nông nghiệp Bình Dương huyện Bình Sơn. ***Yêu cầu đối với sản phẩm:** -Hoàn thiện quy trình kỹ thuật canh tác lúa lai, áp dụng cơ giới hóa trong canh tác lúa (từ khâu làm đất đến thu hoạch) phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương. -Đào tạo 05 kỹ thuật viên cơ sở. -Mô hình cánh đồng mẫu lớn chuyên canh lúa quy mô diện tích 100-150 ha; năng suất lúa 65-70 tấn/ha. -Bài báo khoa học về kết quả thực hiện dự án.	
12	Dự án hỗ trợ xây dựng mô hình nuôi tôm chân trắng theo hướng VietGAP.	-Xét chọn Cơ quan chủ trì dự án: Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện.	Nghề nuôi tôm Quảng Ngãi đã phát triển từ lâu đã góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội. Tuy nhiên trong những năm gần đây dịch bệnh tôm thường xuyên xảy ra đã làm cho người nuôi tôm thiệt hại về kinh tế, diện tích nuôi tôm bị bỏ trống ngày càng nhiều. Trước thực trạng đó các cơ quan, địa phương, hộ nuôi trồng thủy sản đã áp dụng nhiều biện pháp phòng ngừa dịch bệnh tôm. Tuy nhiên, vì nhiều lý do hộ nuôi tôm chưa thể tuân thủ nghiêm túc các qui trình kỹ thuật đã được ban hành cũng như áp dụng đồng bộ các giải pháp kiểm soát dịch bệnh, nên hiệu quả chưa cao. Nhằm từng bước giúp cho người nuôi tôm tuân thủ nghiêm túc các qui trình kỹ thuật đã được ban hành, nuôi tôm hạn chế dịch bệnh tiến tới nuôi tôm bền	***Định hướng mục tiêu:** -Xây dựng mô hình nuôi tôm chân trắng theo hướng VietGAP nhằm nâng cao ý thức sản xuất có trách nhiệm cho người dân và tạo ra sản phẩm an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường. -Tạo tiền đề để triển khai áp dụng VietGAP trong nuôi tôm thẻ chân trắng tại Quảng Ngãi. ***Yêu cầu đối với sản phẩm:** -Bộ giải pháp đồng bộ kiểm soát dịch bệnh trên tôm chân trắng nuôi thương phẩm tại Quảng Ngãi. -Mô hình nuôi tôm chân trắng thương phẩm theo hướng VietGAP tại Quảng Ngãi với năng suất bình quân ổn định khoảng 8 – 10 tấn/ha/vụ	Thời gian thực hiện 24 tháng.

TT	Tên đề tài, dự án	Phương thức thực hiện	Tính cấp thiết	Định hướng mục tiêu và yêu cầu đối với sản phẩm	Ghi chú
			vững. Sở Nông nghiệp và PTNT đề xuất dự án hỗ trợ xây dựng mô hình nuôi tôm chân trắng theo hướng VietGAP trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	-Bài báo cáo khoa học về kết quả thực hiện dự án.	
Đề tài nghiên cứu ứng dụng					
13	Nghiên cứu ứng dụng nguồn nguyên liệu sinh học sẵn có trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để chế tạo sản phẩm có tác dụng phòng trị tiêu chảy và giảm ô nhiễm mùi trong chăn nuôi lợn.	-Xét chọn: Đặt hàng Trường Đại học Nông Lâm Huế chủ trì thực hiện; Chủ nhiệm đề tài: PGS.TS. Hồ Trung Thông. -Phối hợp với Trung tâm Thông tin và ứng dụng KHCN tổ chức thực nghiệm tại Trại nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ nông nghiệp và một số cơ sở chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	-Tiêu chảy gây thiệt hại kinh tế do tỷ lệ tử vong, loại thải, giảm tốc độ tăng trưởng và tăng chi phí điều trị (Holm, 1996). Vi khuẩn E. coli gây tiêu chảy cho lợn sau cai sữa chủ yếu là các chủng mang kháng nguyên F4 (K88) hoặc F18. Gần đây, sự gia tăng tỷ lệ mắc dịch tiêu chảy ở lợn con liên quan đến E. coli, đã được quan sát trên toàn thế giới. Các yếu tố góp phần gia tăng tỷ lệ tiêu chảy do E. coli, liên quan chưa được hiểu rõ. Điều này có thể bao gồm sự xuất hiện của các chủng E. coli sản sinh các yếu tố gây bệnh O149: LT: độc tố STb:EAST1: F4ac, hoặc do thay đổi trong việc quản lý đàn, phát triển khả năng kháng nhiều loại kháng sinh ở những vi khuẩn gây bệnh. -Kết quả nghiên cứu gần đây ở khu vực miền Trung cho thấy, nhiều loại kháng sinh đang được sử dụng hiện nay đã bị vi khuẩn kháng với tỉ lệ cao (Hồ Trung Thông và ctv, 2010). Trong khi đó, do tính đa dạng của kháng nguyên, hiệu lực của vaccine phòng tiêu chảy không cao. Vì vậy, để giảm tỷ lệ và mức độ nghiêm trọng của hội chứng tiêu chảy của lợn trước và sau cai sữa đòi hỏi có các biện pháp thay thế cho việc sử dụng kháng sinh (Jin và ctv, 2000). -Một số nghiên cứu trên thế giới cho thấy, than và giấm gỗ có ảnh hưởng tốt trên vật nuôi và được sử dụng trong các trang trại chăn nuôi hữu cơ. Nhiều loại nguyên liệu sẵn có, rẻ tiền, thậm chí một số sản phẩm bị nông dân đốt hoặc vứt bỏ cũng có thể được sử dụng	***Định hướng mục tiêu:** -Xác định được quy trình sản xuất giấm gỗ và than từ một số loại nguyên liệu sẵn có, rẻ tiền hoặc phế thải ở Quảng Ngãi. -Xác định được mức độ ảnh hưởng của việc sử dụng giấm gỗ và than sản xuất từ một số loại nguyên liệu sẵn có ở Quảng Ngãi đến một số chỉ tiêu sinh trưởng, sức khỏe và gia tăng hiệu quả trong chăn nuôi lợn. -Xác định được ảnh hưởng của việc sử dụng giấm gỗ và than sản xuất từ một số loại nguyên liệu sẵn có ở Quảng Ngãi đến phát xạ một số chất gây mùi hôi trong chăn nuôi lợn. -Xác định được mức độ ảnh hưởng của giấm gỗ và than sản xuất từ một số loại nguyên liệu sẵn có ở Quảng Ngãi đến một số loại vi sinh vật gây bệnh (E. coli, Salmonella) ở lợn. -Xác định quy trình sản xuất phân Bokashi từ phân lợn và than được tạo ra từ các nguyên liệu tại địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. ***Yêu cầu đối với sản phẩm:** -Xác lập được Quy trình sản xuất, số liệu sản lượng giấm gỗ, sản lượng than, thành phần hóa học của giấm gỗ được sản xuất từ 03 loại nguyên liệu khác nhau. -Số liệu minh chứng tác dụng của việc bổ sung giấm gỗ và than đến sinh trưởng, giảm tiêu chảy, gia tăng	-Thời gian thực hiện 24 tháng -Đề tài đã phê duyệt danh mục năm 2012.

TT	Tên đề tài, dự án	Phương thức thực hiện	Tính cấp thiết	Định hướng mục tiêu và yêu cầu đối với sản phẩm	Ghi chú
			để làm giấm gỗ và than. Trong quá trình sản xuất than từ củi/gỗ ở Quảng Ngãi, một sản phẩm rất hữu ích nhưng không được thu là giấm gỗ. -Do đó, tiến hành đề tài sẽ góp phần phát triển chăn nuôi bền vững, tạo sản phẩm an toàn cho thị trường tiêu dùng, giảm chi thuốc sát trùng và kháng sinh, sử dụng được nguồn nguyên liệu tái tạo để phát triển chăn nuôi, xây dựng nông thôn mới.	hiệu quả kinh tế. -Kết quả phân tích mức độ ảnh hưởng của việc bổ sung than và giấm gỗ đến mức độ phát xạ một số loại chất tạo mùi hôi (H_2S, NH_3) từ phân lợn. -Kết luận về mức độ ảnh hưởng của than và giấm gỗ đến vi khuẩn Salmonella, E. coli. -Quy trình sản xuất phân Bokashi từ phân lợn và các nguyên liệu tại Quảng Ngãi. -Bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu đề tài.	
III	**Lĩnh vực điều tra cơ bản tài nguyên thiên nhiên và môi trường**				
14	Nghiên cứu những tác động biến đổi khí hậu đối với tỉnh Quảng Ngãi; các giải pháp thích ứng và ứng phó.	Tuyển chọn Cơ quan chủ trì và Chủ nhiệm đề tài.	Nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu trên cả nước, ngày 02/12/2008 Chính phủ đã có Quyết định số 158/2008/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu. Thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia, ngày 13/10/2009 Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn xây dựng kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu. Ngày 27/12/2011 UBND tỉnh đã phê duyệt kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2020 tại Quyết định số 2068/QĐ-UBND trong Kế hoạch đã xác định rõ yêu cầu nhiệm vụ của khoa học và công nghệ là nghiên cứu những tác động của biến đổi khí hậu đối với tỉnh Quảng Ngãi. Vì vậy, việc thực hiện đề tài: "Nghiên cứu những tác động biến đổi khí hậu đối với tỉnh Quảng Ngãi; các giải pháp thích ứng và ứng phó" là thực sự cần thiết hiện nay.	***Định hướng mục tiêu:** -Xác định các tác động của biến đổi khí hậu đối với tỉnh đến các yếu tố: Diện tích đất bị ngập, dân cư, tài nguyên nước, tài nguyên đất, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, hệ thống cơ sở hạ tầng, công nghiệp, giao thông, hệ sinh thái và hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch; -Xác lập cơ sở khoa học, đề xuất các giải pháp thích ứng và ứng phó với biến đổi khí hậu ở tỉnh Quảng Ngãi. ***Yêu cầu đối với sản phẩm:** -Bộ dữ liệu về khí hậu thủy văn liên quan đến biến đổi khí hậu ở tỉnh Quảng Ngãi; -Kịch bản biến đổi khí hậu thời kỳ 2013 -2050, kèm theo phân tích tác động ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với từng lĩnh vực kinh tế-xã hội chủ yếu -Các giải pháp thích ứng và ứng phó với biến đổi khí hậu theo từng lĩnh vực; -Các bản đồ về nước dâng và mức độ ngập cũng như các yếu tố bị ảnh hưởng, tỷ lệ 1/25.000.	Thời gian thực hiện 24 tháng